

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hồng Kiệt.
2. Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị M, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: Ấp D, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn:* Cao Văn M, sinh năm 1976, địa chỉ cư trú: Ấp D, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Thị M trình bày: Vào năm 1998, chị M và anh M có sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Cao Tấn K, sinh ngày 22-5-2000 và Cao Hoàng T, sinh ngày 27-9-2013 (hiện nay cháu K và T đang sống chung với chị M). Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 do mâu thuẫn bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên bất hòa. Nguyên nhân, anh M thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập vợ con, nên cuộc sống gia đình không còn

hạnh phúc. Từ khoảng tháng 10-2015 đến nay chị M và anh M đã ly thân với nhau. Nay chị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết. Về hôn nhân, chị Phạm Thị M xin được ly hôn với anh Cao Văn M. Về con chung, chị M và anh M có hai con chung tên Cao Tấn K, sinh ngày 22-5-2000 và Cao Hoàng T, sinh ngày 27-9-2013. Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27 tháng 3 năm 2018, bị đơn anh Cao Văn M trình bày: Anh Cao Văn M thống nhất theo lời trình bày của chị Phạm Thị M về hôn nhân, từ năm 1998, anh M và chị M có sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nhưng đến khoảng tháng 10-2015 đến nay anh M và chị M đã ly thân với nhau. Do đó, anh M đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung, có hai con chung tên Cao Tuấn K, sinh ngày 22-5-2000 và Cao Hoàng T, sinh ngày 27-9-2013 thì hiện nay các con đang sống chung với chị M. Nên anh M đồng ý giao hai con chung tên K và T cho chị M nuôi dưỡng và anh M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Cao Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Văn M tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Từ năm 1998 đến nay, chị M và anh M chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Do đó, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị M và anh M không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị M và anh M là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh M có hai con chung tên Cao Tấn K, sinh ngày 22-5-2000 và Cao Hoàng T, sinh ngày 27-9-2013, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh M đồng ý giao cháu K và cháu T cho chị M nuôi dưỡng và

anh M không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, cháu K hiện nay đã trên 07 tuổi, nên phải xem xét nguyện vọng của cháu K khi chị M và anh M ly hôn, cháu K có nguyện vọng sống chung với chị M hay với anh M. Do đó, ngày 14-12-2017 cháu Cao Tấn K có tờ tự khai tại Tòa án (Tôi tên: Cao Tấn K, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2000, tôi là con của Cao Văn M mẹ tên Phạm Thị M nếu cha mẹ tôi có ly hôn: ý kiến tôi sẽ không sống chung với cha và mẹ, tôi tự lập). Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Cao Tấn K, sinh ngày 22-5-2000 đến thời điểm hiện nay thì cháu K chưa đủ 18 tuổi, nên theo quy định của pháp luật khi cha mẹ ly hôn với nhau phải giao con cho cha hoặc cho mẹ nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu K đang sống chung với chị M và chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung. Trong đó, có cháu K và anh M cũng đồng ý giao cháu K và T cho chị M nuôi dưỡng. Do đó, cần thiết phải giao cháu K và cháu T cho chị M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị M không yêu cầu anh M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Cao Văn M không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Phạm Thị M và anh Cao Văn M là vợ chồng.
2. Về con chung: Chị Phạm Thị M tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Tấn K, sinh ngày 22-5-2000 và Cao Hoàng T, sinh ngày 27-9-2013. Anh Cao Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị M không yêu cầu anh M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Phạm Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BN/2013 03783 ngày 17-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; chị Phạm Thị M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Cao Văn M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13-4-2018). Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Bé Hương